

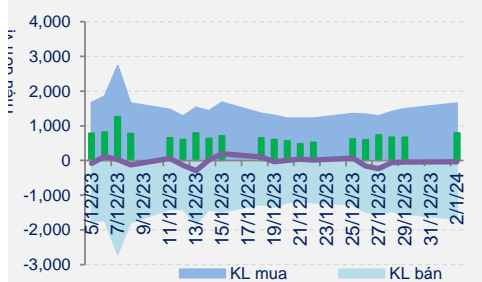
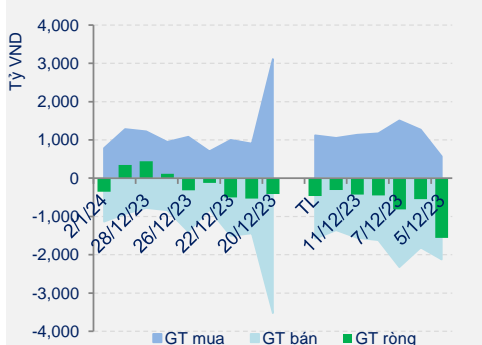
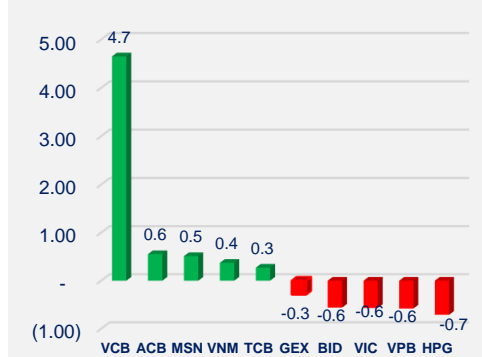
MARKET LENS

2/1/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,131.72	229.99
% Thay đổi	↑ 0.16%	↓ -0.45%
KLGD (CP)	788,412,859	61,680,449
GTGD (tỷ đồng)	17,084.14	1,238.51
Tổng cung (CP)	1,689,180,587	128,724,700
Tổng cầu (CP)	1,650,477,942	96,500,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	41,742,022	1,536,554
KL mua (CP)	22,281,595	316,903
GT mua (tỷ đồng)	785.96	10.90
GT bán (tỷ đồng)	1,139.10	40.15
GT ròng (tỷ đồng)	(353.14)	(29.25)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


VN-INDEX có phiên giao dịch đầu năm khá tích cực khi đầu phiên tạo khoảng trống tăng giá lên vùng 1.140 điểm, sau đó chịu áp lực rung lắc điều chỉnh kiểm tra lại vùng giá trung bình MA200 và phục hồi. Kết phiên VN-INDEX vượt lên vùng giá 1.130 khi tăng 1,79 điểm (+0,16%) lên mức 1.131.72 điểm với thanh khoản cải thiện. HNX-INDEX ngược lại giảm 1,05 điểm (-0,45%) về mức 229,99 điểm. Mặc dù VN-INDEX tăng điểm nhưng độ rộng trên 02 sàn niêm yết lại nghiêng về tiêu cực khi áp lực điều chỉnh gia tăng với 227 mã giảm giá (01 mã giảm sàn), 406 mã tăng giá (20 mã tăng trần), và 191 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 18.316,25 tỉ đồng được giao dịch, với khối lượng giao dịch trên HOSE tăng khá mạnh 26,09% so với phiên cuối 2023. Tuy nhiên thể hiện áp lực bán, điều chỉnh gia tăng ở nhiều mã, nhóm mã. Khối ngoại trở lại bán ròng trong phiên giao dịch đầu 2024 với giá trị bán ròng 353,14 tỉ đồng, tập bán ròng nhóm mã thép, bất động sản, dịch vụ tài chính, chứng khoán; bán ròng trên HNX với giá trị 29,25 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đạt 48,9 điểm trong tháng 12, vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm cho thấy các điều kiện kinh doanh trong ngành suy giảm tháng thứ tư liên tiếp. Tuy nhiên, nếu so với mức mức 47,3 điểm hồi tháng 11, tốc độ suy giảm của ngành sản xuất ở Việt Nam đã có dấu hiệu chậm hơn. Nhìn chung cả năm 2023, báo cáo đánh giá, sức khỏe ngành sản xuất của Việt Nam yếu trong hầu hết thời gian của năm 2023, chỉ cải thiện nhẹ trong tháng 2 và tháng 8. Kết quả chỉ số PMI trung bình của năm 2023 ở mức thấp nhất kể từ thời điểm bùng phát đại dịch COVID-19 vào năm 2020.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng có diễn biến khá tích cực trước thông tin NHNN giao toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng 15% năm 2024 cho các ngân hàng. Điều này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng cung ứng nguồn vốn tín dụng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế trong năm 2024. Đa số tăng giá khá tích cực, thanh khoản tăng mạnh vượt mức trung bình nổi bật như VCB (+3,99%), NAB (+3,27%), ABB (+2,50%), ACB (+2,30%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh với VAB (-2,78%), HDB (-1,97%), VPB (-1,82%)....

Trong khi đó các nhóm ngành khác có mức độ phân hóa mạnh, đa số chịu áp lực điều chỉnh như nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán với VIX (-4,09%), FTS (-3,14%), BSI (-2,74%), SHS (-2,12%) ..., thanh khoản gia tăng kém tích cực ngoài HCM (+3,97%) trong ngày chốt quyền phát hành và trả cổ tức.

Các cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến tương tự khi đa số chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản gia tăng như PDR (-3,05%), DIG (-2,80%), HDG (-2,17%), SCR (-2,03%)... ngoài NTL (+6,96%), NDN (+1,03%), ITC (+0,93%)... Nhóm cổ phiếu thép dưới áp lực bán trở lại của khối ngoại cũng chịu áp lực điều chỉnh, ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư với NKG (-3,65%), HSG (-2,85%), HPG (-1,79%)... Các nhóm ngành khác đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2401 giảm 1,1 điểm (-0,04%), chênh lệch dương 1,86 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 9,76% so với phiên trước, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI giảm, cho thấy các vị thế mua ngắn hạn vẫn gia tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2401 khá tích cực khi vượt kháng cự MA200 quanh 1.124 điểm để hướng đến vùng giá 1.140 điểm - 1.145 điểm. Các kỳ hạn VN30F2402, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch dương gia tăng từ 2,06 điểm đến -1,54 điểm, thể hiện các trader vẫn quan về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn với mức dừng lỗ theo hỗ trợ quanh 1.125 điểm và phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường tiếp tục có phiên rung lắc trong phiên giao dịch đầu năm 2024 tuy nhiên kết thúc tăng nhẹ, VN-Index đóng cửa ở mức 1.131.72 điểm (+1,79 điểm tương ứng +0,16%). Vận động ngắn hạn của Vn-Index vẫn đang diễn ra tích cực như đã dự báo mặc dù áp lực bán ở vùng giá cao đã gia tăng so với các phiên trước đó. Nếu vượt qua được áp lực tại vùng 1.130 điểm, chúng tôi kỳ vọng VN-Index có thể hướng tới ngưỡng kháng cự mạnh quanh vùng 1.150 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì tỷ trọng thấp khi Vn-Index đang dần tiệm cận các ngưỡng cản và có thể tiếp tục có những rung lắc, điều chỉnh.

Xét về trung hạn, VnIndex duy trì xu hướng hình thành nền tích lũy mới khả năng trong khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm. Trong trường hợp tích cực hơn, VnIndex có thể tích lũy trong vùng cao hơn 1.150 điểm - 1.250 điểm. Dữ liệu PMI tháng 12 mới công bố cho thấy hoạt động của các doanh nghiệp nhìn chung vẫn gặp nhiều khó khăn khi số lượng đơn hàng mới và sản lượng đều vẫn đang trong xu hướng suy giảm trong bối cảnh chi phí đầu vào tăng đáng kể và giá bán hàng chỉ tăng nhẹ. Việc NHNN đặt định hướng tăng trưởng tín dụng 15% trong năm 2024 (cao hơn so với chỉ tiêu 2023) cũng cho thấy kỳ vọng khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế sẽ được cải thiện trong năm nay, qua đó thúc đẩy tăng trưởng để có thể đạt được mục tiêu GDP tăng 6% - 6,5% như Quốc Hội đã thông qua. Tuy vậy, các chính sách sẽ cần thời gian để phát huy tác dụng trên thực tiễn, trong giai đoạn hiện tại việc thị trường chứng khoán tích lũy là phù hợp. Nhà đầu tư trung, dài hạn nắm giữ danh mục và có thể tiếp tục chiến lược giải ngân dần vào các mã mục tiêu trong các nhịp điều chỉnh.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

2/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PET	27.40	24.5-25.5	31-32	23	37.3	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	42.10	38-39.5	44-46	35	9.1	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	34.00	31-33	38-39	29	8.5	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.55	30.5-31.2	34-35	29	16.7	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.00	26-27	30-31	25	35.9	11.2%	546.3%	Theo dõi giải ngân
VSC	28.85	27-28.6	33-34	25	28.5	9.8%	-59.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.65	25-26.3	29.5-30.5	23	14.0	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.00	22.3	28-28.5	25	12.1%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	24.50	18.6	28-29	24	31.7%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	26.70	24.45	30-31	26	9.2%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	49.20	45.1	52-53	47.5	9.1%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	10.95	11.4	15-16	11	-3.9%	Nắm giữ
19/12/2023	KBC	31.55	30.2	34-35	30	4.5%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.00	27.55	30-31	26.5	1.6%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.10	18.09	26-27	18	5.6%	Cổ tức 15%



TIN VĨ MÔ

NHNN định hướng tăng trưởng tín dụng 15% trong năm 2024, giao hết toàn bộ room tín dụng cho các ngân hàng ngay từ đầu năm

Ngày 31/12/2023, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có văn bản gửi các tổ chức tín dụng về kế hoạch tăng trưởng tín dụng năm 2024. Trong đó, NHNN cho biết bám sát Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, NHNN định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2024 khoảng 15% và linh hoạt điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng cung ứng nguồn vốn tín dụng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế, NHNN giao hết toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng 15% và yêu cầu tổ chức tín dụng kiểm soát tăng trưởng tín dụng năm 2024.

PMI Việt Nam tháng 12/2023 đạt 48,9 điểm

Báo cáo Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index™ (PMI®) mới nhất của S&P Global đánh giá, ngành sản xuất của Việt Nam kết thúc năm 2023 trong tình trạng suy giảm. Theo đó, nhu cầu yếu tiếp tục góp phần làm giảm số lượng đơn đặt hàng mới tháng thứ hai liên tiếp, và sản lượng cũng đã giảm tương ứng. Trong khi đó, hoạt động mua hàng và việc làm hầu như không thay đổi. Kết quả, chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Manufacturing Purchasing Managers' Index™ (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đạt 48,9 điểm trong tháng 12. Việc chỉ số PMI vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm cho thấy các điều kiện kinh doanh trong ngành suy giảm tháng thứ tư liên tiếp.

Thủ tướng ra công điện yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng giao thông

Trong công điện số 01/CĐ-TTg ngày 1/1/2024, Thủ tướng Phạm Minh Chính yêu cầu tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm cao nhất, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án, công trình hạ tầng giao thông... Công điện gửi Bộ trưởng các bộ: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Giá vàng miếng tiếp tục biến động mạnh sau nghỉ lễ

Sau khi tăng 2,5 triệu đồng trong buổi sáng, giá vàng miếng SJC chiều nay quay đầu giảm 1,5 triệu, xuống 75 triệu đồng một lượng. Lúc 15h, giá vàng miếng tại Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC) quay đầu giảm 1,5 triệu đồng, xuống 72 - 75 triệu đồng một lượng, vẫn cao hơn một triệu đồng so với cuối tuần qua. Trước đó, mở cửa ngày 2/1, SJC yết giá vàng miếng tại 71 - 74 triệu đồng, đi ngang so với chốt phiên cuối năm 2023. Sau nhiều lần điều chỉnh, giá tăng 2,5 triệu đồng một lượng so với đầu giờ sáng, lên 73,5 - 76,5 triệu đồng.



TIN DOANH NGHIỆP

FLC họp đại hội bất thành, công ty có hơn 64.000 cổ đông

Do buổi họp của FLC chỉ có hơn 32% cổ phần biểu quyết tham dự nên đã không đủ điều kiện tiến hành theo quy định. Sáng 2/1, CTCP Tập đoàn FLC (Mã: FLC) đã tổ chức bất thành buổi họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội là hơn 227,7 triệu cổ phần, tương đương 32,07% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty. Do đó, cuộc họp bất thường sáng 2/1 không đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Hai CTCK sắp tăng vốn gần 3.300 tỷ đồng

Chứng khoán HSC và TPS được chấp thuận chào bán lần lượt 229 triệu cổ phiếu và 100 triệu cổ phiếu. Chứng khoán Tiên Phong (TPS, mã: ORS) vừa công bố chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước (UBCKNN), hiệu lực 90 ngày kể từ 28/12/2023. Theo phương án, TPS sẽ chào bán 100 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua. Tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1. Giá chào bán là 10.000 đồng/cp. Cũng trong đợt này Chứng khoán HSC (Mã: HCM) đã được UBCKNN chấp thuận phương án phát hành 297,2 triệu đơn vị. Trong đó, 228,6 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và 68,6 triệu đơn vị phát hành để trả cổ tức.

PV OIL ước 2023 đạt 100 ngàn tỷ đồng doanh thu, vượt xa kế hoạch lợi nhuận

Tại hội nghị tổng kết tổ chức ngày 22/12, Tổng công ty Dầu Việt Nam - CPCT (PV OIL, UPCoM: OIL) cho biết kết quả 2023 vượt nhiều chỉ tiêu, cả về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Cụ thể, OIL cho biết đã tận dụng tốt cơ hội thị trường trong năm 2023, đạt tăng trưởng mạnh nhất từ trước đến nay về sản lượng kinh doanh. Theo đó, sản lượng ước đạt 5.2 triệu m³/tấn xăng dầu các loại, hơn cùng kỳ 28% và vượt 58% kế hoạch năm. Sản lượng này cũng cho phép PV OIL sớm cán đích mục tiêu sản lượng đề ra trong giai đoạn 2020-2025.

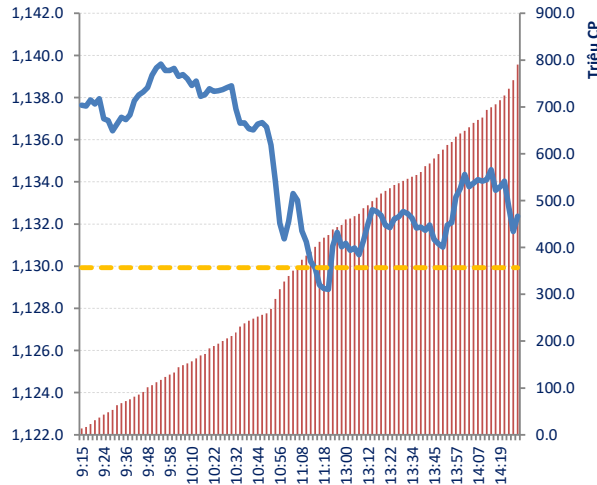
May Đức Giang ước lợi nhuận 2023 giảm 50%

Tổng Công ty Đức Giang - CTCP (Dugarco, UPCoM: MGG) ước sơ bộ kết quả kinh doanh năm 2023 với hai chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều giảm so với năm trước và không hoàn thành kế hoạch đề ra. Tại cuộc họp ngày 29/12/2023, HĐQT MGG đã thông qua kết quả kinh doanh 2023 với tổng doanh thu ước đạt 2,439 tỷ đồng và lợi nhuận 15 tỷ đồng, giảm lần lượt 13% và 50% so với năm trước. So với kế hoạch đề ra, Công ty thực hiện được 83% chỉ tiêu doanh thu và 60% mục tiêu lợi nhuận năm.

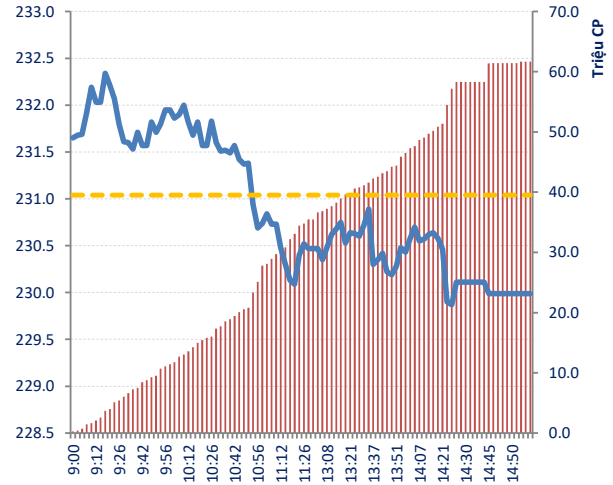


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

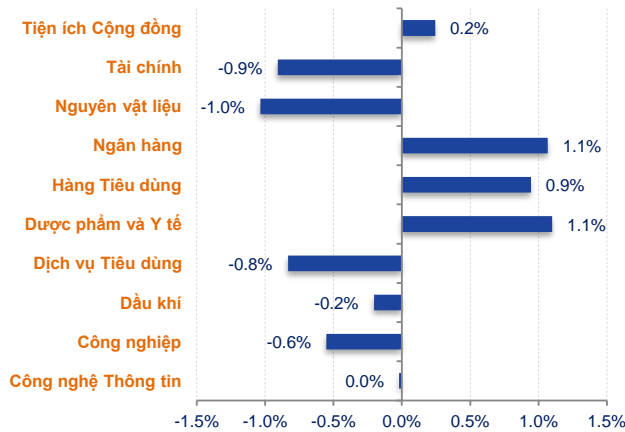
KLGD và VN-Index trong phiên



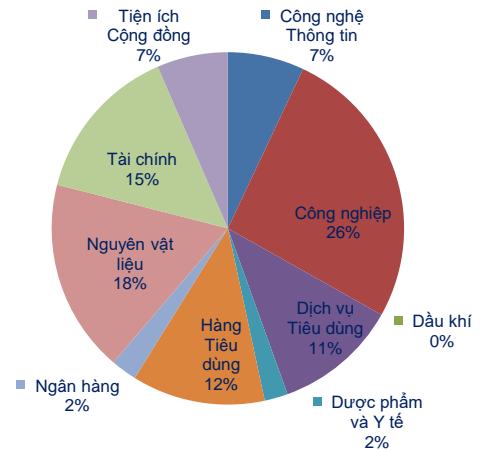
KLGD và HNX-Index trong phiên



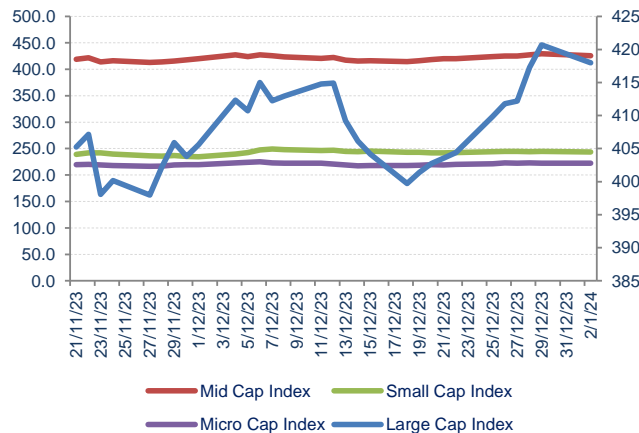
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



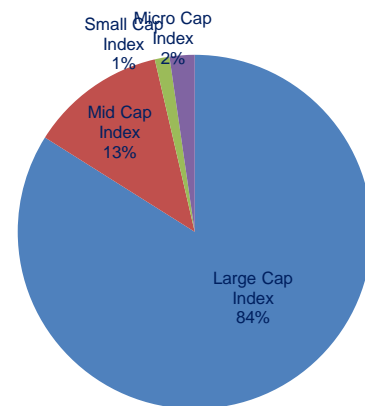
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCB	1,106,500	FUESSVFL	9,796,300	1	IDC	133,200	BVS	528,000
2	VPB	874,500	SSI	2,716,430	2	SHS	73,800	PVS	469,900
3	HNG	637,300	SHB	2,428,117	3	VGS	29,600	TNG	278,943
4	TTF	606,800	VRE	1,727,569	4	PVI	24,600	TIG	178,900
5	VCI	534,800	HCM	1,485,441	5	EVS	16,900	NVB	37,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	17.10	16.40	↓ -4.09%	53,569,900	SHS	18.90	18.50	↓ -2.12%	17,224,299
GEX	23.60	22.15	↓ -6.14%	47,557,100	CEO	22.70	22.50	↓ -0.88%	6,949,166
SHB	10.80	10.95	↑ 1.39%	43,187,900	HUT	20.20	20.00	↓ -0.99%	4,336,333
VND	22.25	22.15	↓ -0.45%	27,966,500	MBS	22.70	22.50	↓ -0.88%	3,229,161
BCG	8.82	8.33	↓ -5.56%	23,269,600	IDC	52.10	51.20	↓ -1.73%	2,672,755

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SSC	30.00	32.10	2.10	↑ 7.00%	VMS	34.00	37.40	3.40	↑ 10.00%
CRC	5.46	5.84	0.38	↑ 6.96%	BED	14.30	15.70	1.40	↑ 9.79%
NTL	27.30	29.20	1.90	↑ 6.96%	TKG	8.20	9.00	0.80	↑ 9.76%
CLW	34.65	37.05	2.40	↑ 6.93%	CTB	18.50	20.30	1.80	↑ 9.73%
ABS	5.79	6.19	0.40	↑ 6.91%	X20	9.40	10.30	0.90	↑ 9.57%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SRC	30.00	27.90	-2.10	↓ -7.00%	HTP	24.10	21.70	-2.40	↓ -9.96%
VTB	14.30	13.30	-1.00	↓ -6.99%	DTG	26.50	23.90	-2.60	↓ -9.81%
HU1	7.38	6.87	-0.51	↓ -6.91%	VCM	15.70	14.20	-1.50	↓ -9.55%
HRC	55.00	51.20	-3.80	↓ -6.91%	DPC	12.70	11.60	-1.10	↓ -8.66%
BTT	31.00	29.00	-2.00	↓ -6.45%	SDG	16.50	15.10	-1.40	↓ -8.48%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	53,569,900	8.2%	1,005	17.0	1.3
GEX	47,557,100	2.0%	511	46.2	0.9
SHB	43,187,900	15.9%	2,036	5.3	0.8
VND	27,966,500	7.8%	957	23.2	1.7
BCG	23,269,600	-0.4%	(117)	-	0.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	17,224,299	5.4%	643	29.4	1.5
CEO	6,949,166	6.7%	955	23.8	1.8
HUT	4,336,333	0.8%	122	165.9	1.6
MBS	3,229,161	10.4%	1,104	20.6	2.0
IDC	2,672,755	17.0%	3,177	16.4	3.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SSC	↑ 7.0%	11.4%	3,198	9.4	1.1
CRC	↑ 7.0%	6.6%	853	6.4	0.4
NTL	↑ 7.0%	0.7%	128	212.7	1.5
CLW	↑ 6.9%	22.0%	4,328	8.0	1.7
ABS	↑ 6.9%	3.7%	432	13.4	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VMS	↑ 10.0%	8.6%	1,393	24.4	2.1
BED	↑ 9.8%	18.4%	2,430	5.9	1.0
TKG	↑ 9.8%	2.0%	205	40.0	0.8
CTB	↑ 9.7%	22.9%	4,423	4.2	0.9
X20	↑ 9.6%	5.6%	839	11.2	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	1,106,500	22.6%	6,013	13.4	2.8
VPB	874,500	9.7%	1,480	13.0	1.0
HNG	637,300	-111.2%	(2,922)	-	1.8
TTF	606,800	-11.0%	(110)	-	4.5
VCI	534,800	5.7%	911	46.9	2.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	133,200	17.0%	3,177	16.4	3.1
SHS	73,800	5.4%	643	29.4	1.5
VGS	29,600	5.3%	939	24.6	1.3
PVI	24,600	0.6%	205	218.8	1.3
EVS	16,900	5.9%	688	12.2	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	448,804	22.6%	6,013	13.4	2.8
BID	247,399	17.6%	3,450	12.6	2.1
VHM	188,109	25.0%	9,468	4.6	1.0
GAS	173,404	19.0%	5,283	14.3	2.8
VIC	170,535	2.7%	977	45.6	1.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,163	6.7%	1,846	20.6	1.4
HUT	18,029	0.8%	122	165.9	1.6
IDC	17,193	17.0%	3,177	16.4	3.1
SHS	15,369	5.4%	643	29.4	1.5
THD	13,590	2.9%	460	76.8	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DXS	2.88	-1.9%	(269)	-	0.5
DC4	2.79	0.2%	26	399.7	0.9
VAF	2.68	8.4%	1,061	13.0	1.1
VPH	2.61	-2.0%	(218)	-	0.8
QCG	2.59	-0.2%	(32)	-	0.6

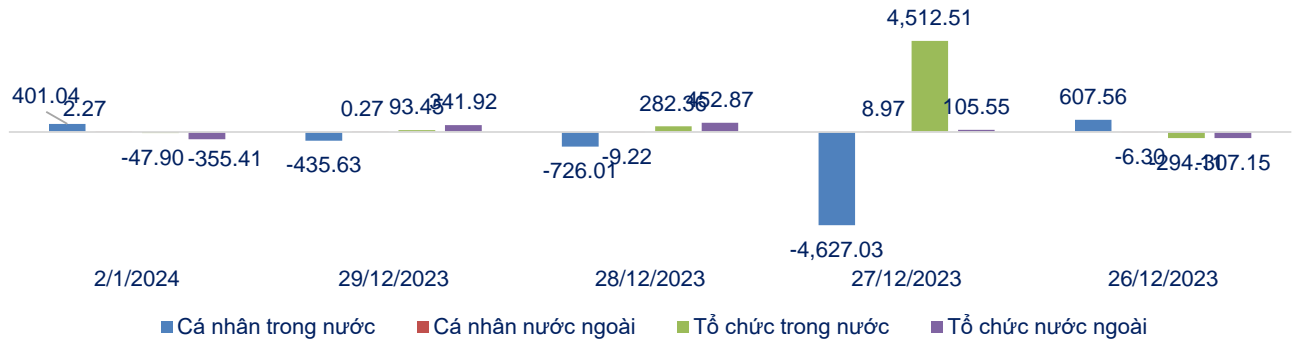
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.42	6.2%	595	25.2	1.4
L14	2.29	12.2%	1,627	27.7	3.3
HCT	2.27	-0.5%	(101)	-	0.5
VC2	2.22	2.2%	286	37.1	0.8
TAR	2.16	2.3%	359	24.5	0.6



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	159.25	15.9%	2,036	5.3	0.8
SSI	83.31	8.9%	1,346	24.4	2.2
HCM	74.00	7.8%	1,356	25.2	1.9
EVF	55.17	9.0%	970	16.5	1.3
VRE	43.98	11.8%	1,818	12.8	1.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	-64.01	22.6%	6,013	13.4	2.8
ASM	-32.03	3.0%	709	14.7	0.4
PNJ	-25.92	19.8%	5,505	15.6	3.0
VHC	-23.81	12.9%	5,649	13.2	1.6
VNM	-18.17	24.4%	4,029	16.8	4.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	24.80	22.4%	4,290	4.3	1.1
VPB	5.66	9.7%	1,480	13.0	1.0
TPB	3.65	17.0%	2,483	7.0	1.2
TTF	2.53	-11.0%	(110)	-	4.5
HNG	1.39	-111.2%	(2,922)	-	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	-7.68	13.6%	1,895	17.2	2.3
FPT	-5.90	22.3%	4,815	20.0	4.3
BID	-5.81	17.6%	3,450	12.6	2.1
VHM	-3.84	25.0%	9,468	4.6	1.0
VND	-2.66	7.8%	957	23.2	1.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	180.00	N/A	N/A	N/A	N/A
ASM	32.03	3.0%	709	14.7	0.4
PNJ	24.43	19.8%	5,505	15.6	3.0
BCM	20.79	2.5%	432	145.8	3.6
KBC	19.96	7.6%	1,892	16.8	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	-132.57	15.9%	2,036	5.3	0.8
EVF	-55.17	9.0%	970	16.5	1.3
VPB	-52.41	9.7%	1,480	13.0	1.0
HCM	-36.68	7.8%	1,356	25.2	1.9
VCB	-27.84	22.6%	6,013	13.4	2.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	92.04	22.6%	6,013	13.4	2.8
VHC	24.32	12.9%	5,649	13.2	1.6
VCI	22.40	5.7%	911	46.9	2.6
DGC	15.00	29.7%	9,010	10.5	2.9
MWG	14.44	3.0%	476	89.9	2.7

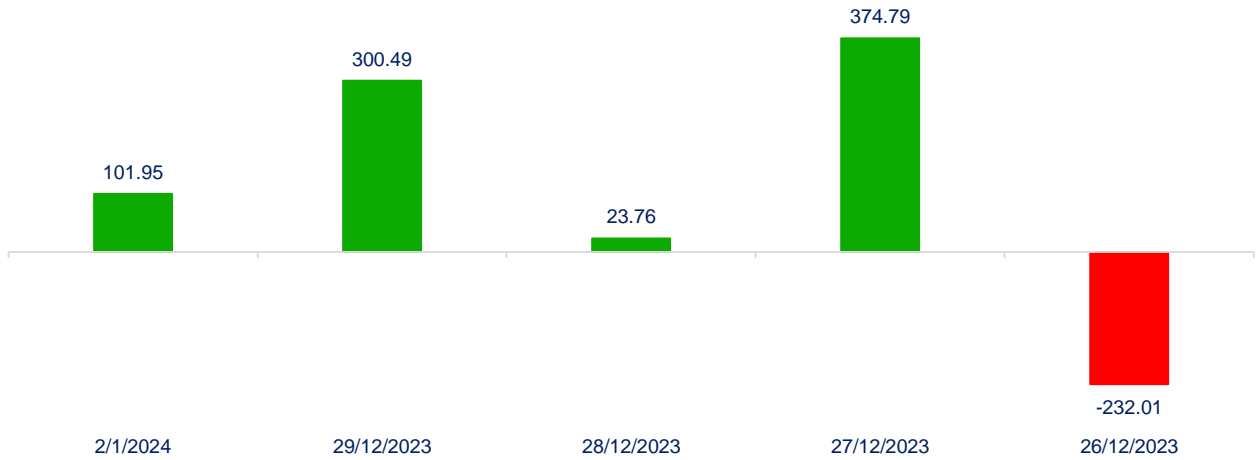
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	-179.97	N/A	N/A	N/A	N/A
SSI	-88.54	8.9%	1,346	24.4	2.2
VRE	-40.22	11.8%	1,818	12.8	1.4
HCM	-36.66	7.8%	1,356	25.2	1.9
STB	-35.55	17.5%	3,825	7.3	1.2

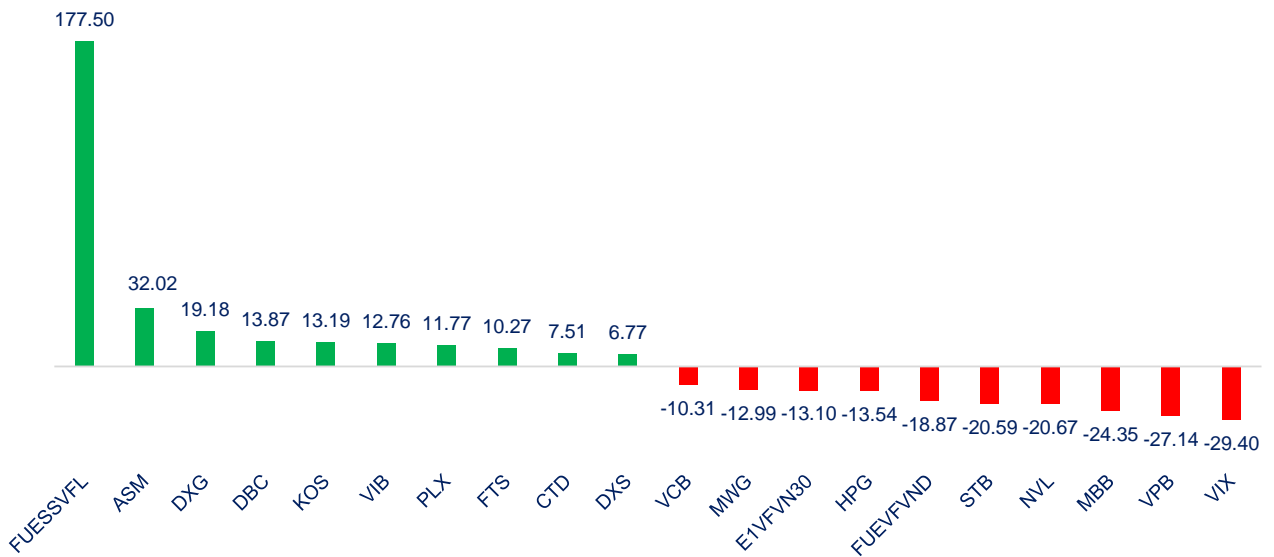


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn